

Bản án số: 48/2021/HS-PT

Ngày: 25-10-2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Dụ

Bà Trần Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 26/2021/TLPT-PT ngày 03/6/2021 đối với các bị cáo Lưu Đức T và Bùi Văn T1 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đối với các bị cáo và kháng cáo của bị cáo Lưu Đức T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

*Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:*

**Lưu Đức T**, sinh ngày 10/9/1990 tại Y1, Hòa Bình.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Y, huyện Y1, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; bị tước danh hiệu Công an nhân dân tại Quyết định số 1440/QĐ-CAT-PX01 ngày 17/7/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Hòa Bình; bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị theo Quyết định số 21-QĐ/HU ngày 06/8/2020 của Huyện ủy Yên Thủy. Trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Hữu Đ1 và bà Đinh Thị T2; có vợ Quách Thị Thanh D và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam, tạm giữ: Không; bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

*Bị cáo bị kháng nghị:*

**Bùi Văn T1**, sinh ngày 09/8/1992 tại Y1, Hòa Bình

Nơi cư trú: Xóm Đồng L, xã Đ2, huyện Y1, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T2 và bà Bùi Thị H; vợ, con: Chưa. Tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 09/2019/QĐ-TA ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 26/12/2020, được trả tự do ngày 26/6/2021 theo Quyết định trả tự do cho bị cáo số 24/2021/HSPT-QĐ ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

Anh Lê Quang H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm B, xã N1, huyện Y1, tỉnh Hòa Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Đức T – Nguyên là cán bộ công an công tác tại Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Đầu năm 2019, Lưu Đức T được phân công và đã tiến hành lập hồ sơ đối với Bùi Văn T1 là đối tượng nghiện ma túy để đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 09/2019/QĐ-TA ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đối với Bùi Văn T1, Lưu Đức T được giao nhiệm vụ tiến hành các thủ tục để thi hành quyết định nêu trên.

Quá trình làm việc với Lưu Đức T vào ngày 18/12/2019, T1 có đặt vấn đề nhờ T cho T1 hoãn đưa đi cai nghiện bắt buộc do chuẩn bị cưới vợ. T hỏi T1 lo được bao nhiêu tiền, T1 nói có thể lo được 5.000.000đ, sau đó T và T1 thống nhất T1 sẽ đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng để được hoãn đưa đi cai nghiện bắt buộc. Sau khi thỏa thuận, T cho T1 quay về nhà lấy tiền rồi quay lại đưa cho T số tiền 5.000.000đ, số còn lại T1 hứa với T sẽ quay lại đưa nốt số còn thiếu. T đồng ý và để cho T1 đi về, sau đó T gọi điện cho anh Lê Quang H1 báo cáo T1 đã bỏ trốn.

Khoảng 11 giờ ngày 21/12/2019, T1 gọi điện thoại cho T hẹn ra gặp tại khu vực bờ đập B1 (tại xóm Đồng L, xã Đ1), T1 nói với T là chưa lo đủ tiền và đưa T số tiền 4.000.000 đồng, T nhận tiền và yêu cầu T1 phải đưa nốt số tiền

còn lại cho đủ 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Quá trình trao đổi và giao nhận tiền Bùi Văn T1 có ghi âm, ghi hình và tố cáo hành vi nhận tiền của T.

Lưu Đức T đã trả lại cho T1 9.000.000 đồng nhưng T1 không nhận, sau đó T đã bàn giao lại số tiền trên cho Công an huyện Yên Thủy và lập biên bản làm việc thu giữ số tiền nêu trên trong quá trình kiểm tra người của T1.

Kết luận giám định số 4539/C09-P6 ngày 21/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “ Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp ghi âm, ghi hình và tệp video mẫu cần giám định và mẫu so sánh. Không xác định được có tiếng của Lưu Đức T trong tệp ghi âm mẫu cần giám định ký hiệu A1 hay không do thời lượng nói của người cần giám định quá ngắn. Tiếng nói của người đàn ông ký hiệu “T” trong bản dịch nội dung hội thoại, trong các tệp ghi âm và tệp video mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3, A4 và tiếng nói của Lưu Đức T trong tệp ghi âm mẫu so sánh ký hiệu B3 là của cùng một người. Tiếng nói của người đàn ông ký hiệu “T1: trong bản dịch nội dung bản hội thoại, trong các tệp ghi âm và tệp video mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Văn T1 trong tệp ghi âm mẫu so sánh là của cùng một người. Nội dung hội thoại trong tệp ghi âm và tệp video mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lưu Đức T phạm tội Nhận hối lộ, bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội Đưa hối lộ.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lưu Đức T 15 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn T1 06 tháng tù.

Ngoài ra, bản án hình sự còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đã kháng nghị phúc thẩm (QĐ số 01/QĐKN-VKSYT) với các nội dung: Không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, tăng hình phạt đối với bị cáo Lưu Đức T; Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T1.

Ngày 26/4/2021 bị cáo Lưu Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

**- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 02/20018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

Nội dung kháng nghị:

- Đối với bị cáo T: Giữ nguyên quyết định kháng nghị, bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là chưa là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, và phòng ngừa tội phạm chung, tăng hình phạt đối với bị cáo (mức hình phạt từ 24 tháng đến 30 tháng tù).

- Đối với bị cáo T1: Giữ nguyên quyết định kháng nghị, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1

Về xử lý vật chứng: Tuy không có kháng cáo và bị kháng nghị nhưng cần đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để trả lại cho bị cáo T1 một phần tài sản (tiền 4.000.000 đồng) trong tổng số tiền đã dùng để đưa hối lộ 9.000.000 đồng của T1 đã bị thu giữ, số tiền còn lại 5.000.000 đồng tịch thu sung quỹ Nhà nước, bởi lẽ bị cáo T1 đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác là có căn cứ theo khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên

- Bị cáo trình bày đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng**

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/4/2021, Quyết định kháng nghị của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Y1, đơn kháng cáo của bị cáo Lưu Đức T trong hạn luật định, hợp lệ.

## **[2] Về nội dung**

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 09/2019/QĐ-TA ngày 17/10/2019 đối với Bùi Văn T1. Lưu Đức T lúc này là công an huyện Yên Thủy được phân công nhiệm vụ tiến hành các thủ tục để thi hành quyết định nêu trên, quá trình làm việc T được T1 đặt vấn đề với T về việc T1 xin hoãn đi cai nghiện bắt buộc, hai bên thỏa thuận T1 sẽ chuẩn bị 20.000.000 đồng đưa cho T. Thực tế, T đã nhận số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 18/12/2019 và 4.000.000 đồng vào ngày 21/12/2019 và yêu cầu T1 tiếp tục đưa cho T đủ số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định phù hợp các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập, xác minh có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Lưu Đức T đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình khi thi hành công vụ để nhận tiền từ Bùi Văn T1 với mục đích cho T1 được hoãn đưa đi cai nghiện bắt buộc theo quyết định của Tòa án. Hành vi của các bị cáo Lưu Đức T, Bùi Văn T1 đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm mất uy tín của cán bộ Nhà nước trước nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lưu Đức T về tội Nhận hối lộ, bị cáo Bùi Văn T1 về tội Đưa hối lộ là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

## **[3]. Xét kháng cáo, kháng nghị**

### **3.1 Kháng cáo của bị cáo Lưu Đức T xin được hưởng án treo**

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, không đưa được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới được pháp luật chấp nhận; căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/20018/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 bị cáo phạm tội lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo đối với bị cáo Lưu Đức T.

3.2. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đối với các nội dung: Không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Lưu Đức T. Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Về việc áp dụng điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, và tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, theo khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt Lưu Đức T 15 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng) là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, trong khi các tội phạm về tham nhũng hiện nay đang diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng lớn đến những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức Nhà nước, mất uy tín; làm cho nhân dân mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Chưa đúng với quy định tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc xét xử tội phạm về tham nhũng phải đảm bảo nghiêm khắc và tuân thủ triệt để các nguyên tắc của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự.

Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình là có căn cứ, được chấp nhận, cần sửa bản án hình sự sơ thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo mới đảm bảo nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

3.3. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đối với các nội dung: Áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T1. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú”, quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo điểm h khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng Hình sự *“Tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện”*.

Trong vụ án này, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi đưa hối lộ cho T 5.000.000đ vào ngày 18/12/2019 và 4.000.000đ ngày 21/12/2019 thì đến ngày 24/12/2019 T1 đã đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tố giác hành vi nhận hối lộ của T

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị cáo sau khi đưa hối lộ đã đến cơ quan có thẩm quyền trình diện để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, đây thuộc trường hợp tự thú. Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1 là không đúng với quy định của pháp luật.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình là có căn cứ, được chấp nhận, cần sửa bản án hình sự sơ thẩm về áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

3.4. Bị cáo Bùi Văn T1 đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, để đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật đối với người tự thú cũng như khuyến khích việc tố giác tội phạm tham nhũng nói riêng và tội phạm khác nói chung, Hội đồng xét xử xét thấy trong tổng số tiền đã dùng để đưa hối lộ 9.000.000 đồng của T1 đã bị thu giữ cần trả lại cho bị cáo T1 một phần tiền để đưa hối lộ (4.000.000 đồng) là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự, số tiền còn lại 5.000.000 đồng tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do bản án hình sự sơ thẩm bị sửa nên bị cáo Lưu Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Đức T;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Đức T phạm tội Nhận hối lộ, bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội Đưa hối lộ.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lưu Đức T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2020. *(Bị cáo đã thi hành xong).*

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000đ *(năm triệu đồng)*

- Trả lại cho Bùi Văn T1 số tiền 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)*

*(Toàn bộ số tiền này được mô tả cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hoà Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình). ngày 15/01/2021.*

Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 USB được niêm phong tại phong bì (BL 375)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 135 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Lưu Đức T và Bùi Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/10/2021

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND huyện Yên Thủy
- VKSND huyện Yên Thủy
- Chi cục THADS huyện Yên Thủy;
- Bị cáo; (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ; Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Tuấn**